

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 11/2023/DS-ST
Ngày: 14-4-2023
V/v: Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đỗ Hữu Phúc

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Thơ
2. Bà Nguyễn Thị Ngọc Kiều

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Anh Đào - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Minh Quang – Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 206/2022/TLST-DS ngày 14 tháng 12 năm 2022 về “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2023/QĐXX-DS ngày 09 tháng 3 năm 2023, Quyết định hoãn phiên tòa số 35/2023/QĐST-DS ngày 28 tháng 3 năm 2023, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Phạm Thành Ng, sinh năm 1973
Nguyễn Thị N, sinh năm 1973

Địa chỉ: ấp T, xã V, huyện C, tỉnh An Giang. (Ông Ng và bà N có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt).

- Bị đơn: Nguyễn Văn Cái E, sinh năm: 1979 (vắng mặt)
Nguyễn Thị S, sinh năm 1977 (vắng mặt)

Địa chỉ: ấp T, xã V, huyện C, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Tại đơn khởi kiện ngày 30/11/2022 nguyên đơn ông Phạm Thành Ng và bà Nguyễn Thị N trình bày: Năm 2018 ông Nguyễn Văn Cái E và bà Nguyễn Thị S có vay của ông Phạm Thành Ng và bà Nguyễn Thị N số tiền 150.000.000 đồng, thỏa thuận lãi suất là 2,5%/tháng, hai bên có làm biên nhận ngày 24/11/2018 âm lịch, có ông Nguyễn Văn Cái E và bà Nguyễn Thị S ký tên. Sau khi nhận tiền ông Cái E và

bà S đóng lãi được một thời gian, đến ngày 24/3/2019 âm lịch ông Cái E và bà S trả được số tiền 20.000.000 đồng, ngày 24/8/2019 âm lịch trả thêm được 10.000.000 đồng, còn nợ lại 120.000.000 đồng thì ngưng, không trả vốn và lãi cho ông Ng và bà N như thỏa thuận.

Ông Ng và bà N khởi kiện yêu cầu ông Cái E và bà S trả số tiền 120.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật từ ngày 24/8/2019 âm lịch đến ngày xét xử đối với số tiền 120.000.000 đồng.

* Tòa án đã triệu tập họp lệ bị đơn ông Nguyễn Văn Cái E và bà Nguyễn Thị S nhưng ông Nguyễn Văn Cái E và bà Nguyễn Thị S vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn ông Phạm Thành Ng và bà Nguyễn Thị N có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, không có văn bản thay đổi, bổ sung yêu cầu khởi kiện.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn Cái E và bà Nguyễn Thị S vắng mặt, không có văn bản trình bày ý kiến.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành phát biểu:

+ Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn, bị đơn trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án là đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự.

+ Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn trả số tiền 120.000.000 đồng và tính lãi theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1 Về quan hệ pháp luật: Tranh chấp giữa ông Phạm Thành Ng, bà Nguyễn Thị N và ông Nguyễn Văn Cái E, bà Nguyễn Thị S được xác định là tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

1.2 Về thẩm quyền giải quyết: Tại biên bản xác minh ngày 28/02/2023 Công an xã V, huyện C, tỉnh An Giang xác nhận ông Nguyễn Văn Cái E, bà Nguyễn Thị S có đăng ký hộ khẩu thường trú tại ấp T, xã V, huyện C, tỉnh An Giang nên theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

1.3 Về sự có mặt của đương sự: nguyên đơn ông Phạm Thành Ng, bà Nguyễn Thị N có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt, bị đơn ông Nguyễn Văn Cái E, bà Nguyễn Thị S đã được tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 và Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung tranh chấp:

2.1 Căn cứ vào lời trình bày của đương sự và các chứng cứ có trong hồ sơ là biên nhận ngày 24/11/2018 âm lịch có chữ ký xác nhận của ông Nguyễn Văn Cái E, bà Nguyễn Thị S đã xác định được ông Nguyễn Văn Cái E, bà Nguyễn Thị S có vay của ông Phạm Thành Ng, bà Nguyễn Thị N số tiền 150.000.000 đồng (một trăm năm mươi triệu đồng), thỏa thuận lãi suất là 2,5%/tháng, không thỏa thuận thời gian vay.

Sự thỏa thuận giữa ông Ng, bà N và ông Cái E, bà S là hoàn toàn tự nguyện, mục đích và nội dung thỏa thuận không trái đạo đức, pháp luật nên được xem là hợp pháp và được pháp luật bảo vệ khi xảy ra tranh chấp. Quá trình thực hiện hợp đồng ông Cái E, bà S chỉ trả được số tiền 30.000.000 đồng, còn nợ lại 120.000.000 đồng nên đã vi phạm thỏa thuận. Ông Ng, bà N yêu cầu ông Cái E, bà S trả số tiền còn nợ là phù hợp nên được hội đồng xét xử chấp nhận. Do đó, căn cứ vào Điều 463, khoản 1 Điều 466 Bộ luật Dân sự Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Ng, bà N buộc ông Cái E, bà S có nghĩa vụ trả cho ông Ng, bà N số tiền còn nợ là 120.000.000đ (một trăm hai mươi triệu đồng).

2.2 Về lãi suất: Căn cứ biên nhận ngày 24/11/2018 âm lịch nguyên đơn và bị đơn thỏa thuận lãi suất là 2,5%/tháng, ông Cái E và bà S trả lãi được một thời gian thì vi phạm thỏa thuận. Từ ngày 24/8/2019 âm lịch (ngày 22/9/2019) ông Cái E và bà S thanh toán được số tiền 10.000.000 đồng thì ngưng không trả lãi và vốn cho ông Ng, bà N. Nay ông Ng và bà N yêu cầu tính lãi theo quy định pháp luật từ ngày 24/8/2019 âm lịch (ngày 22/9/2019) đến ngày xét xử 14/4/2023 được tính tròn 43 tháng là phù hợp với quy định pháp luật nên được hội đồng xét xử chấp nhận. Đối với phần tiền lãi ông Cái E và bà S đã trả các bên không tranh chấp nên hội đồng xét xử không xem xét.

Ông Cái E và bà S chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền nên phải có nghĩa vụ trả lãi đối với số tiền chậm trả theo quy định tại Điều 357, điểm a khoản 5 Điều 466 Bộ luật Dân sự. Ông Ng và bà N yêu cầu tính lãi suất theo quy định pháp luật, nhận thấy các bên có thỏa thuận việc trả lãi và xác định rõ mức lãi suất nên Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự chấp nhận yêu cầu tính lãi của ông Ng, bà N, buộc ông Cái E và bà S có nghĩa vụ trả cho ông Ng và bà N số tiền lãi là $120.000.000đ \times 1,66\% \times 43 \text{ tháng} = 85.656.000 \text{ đồng}$ (tám mươi lăm triệu sáu trăm năm mươi sáu ngàn đồng).

[3] *Về án phí sơ thẩm*: Căn cứ vào quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

- Nguyên đơn được chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện nên được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

- Do yêu cầu của nguyên đơn đối với ông Cái E và bà S được chấp nhận nên ông Cái E và bà S phải chịu án phí theo quy định pháp luật.

[4] *Quyền kháng cáo*: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 238, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Điều 357, Điều 463, khoản 1 và điểm a khoản 5 Điều 466, khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự; Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Thành Ng và bà Nguyễn Thị N.

Buộc ông Nguyễn Văn Cái E và bà Nguyễn Thị S có nghĩa vụ trả cho ông Phạm Thành Ng và bà Nguyễn Thị N số tiền vốn gốc là 120.000.000 đồng (một trăm hai mươi triệu đồng) và tiền lãi là 85.656.000 đồng (tám mươi lăm triệu sáu trăm năm mươi sáu ngàn đồng).

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền vốn gốc còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 1 Điều 468 Bộ luật Dân sự.

2. *Về án phí sơ thẩm*:

- Ông Phạm Thành Ng và bà Nguyễn Thị N được nhận lại số tiền 3.000.000 đồng (ba triệu đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0004046 ngày 13/12/2022 Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

- Ông Nguyễn Văn Cái E và bà Nguyễn Thị S phải chịu 10.282.800 đồng (mười triệu hai trăm tám mươi hai ngàn tám trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

3. *Quyền kháng cáo:* Ông Phạm Thành Ng, bà Nguyễn Thị N, ông Nguyễn Văn Cái E và bà Nguyễn Thị S được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ và thi hành án Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Đỗ Hữu Phúc